

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết giao biên chế cán bộ,
công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính; tổng số lượng
người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập và số lượng
người làm việc trong các tổ chức hội năm 2026**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Căn cứ Quyết định số 185-QĐ/TW ngày 02/6/2026 của Bộ Chính trị về biên chế các ban, cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng ở Trung ương; cơ quan Mặt trận Tổ quốc, cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương, Đảng ủy các cơ quan Đảng Trung ương và các tỉnh, thành phố năm 2026, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Quyết định số 434-QĐ/TU ngày 11/9/2026 về việc giao biên chế trong hệ thống chính trị tỉnh Hà Tĩnh năm 2026; trong đó xác định tổng số biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi chung là biên chế viên chức) của khối chính quyền địa phương năm 2026.

Trên cơ sở số biên chế được Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao, để kịp thời phân bổ, giao biên chế công chức, viên chức năm 2026 cho từng cơ quan, đơn vị thuộc khối chính quyền địa phương, bảo đảm phù hợp với tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, vị trí việc làm và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, đồng thời làm cơ sở cho việc quản lý, sử dụng biên chế đúng quy định và hiệu quả.

Bên cạnh đó, thời gian qua, một số cơ quan, đơn vị thuộc khối chính quyền địa phương thực hiện chủ trương sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, dẫn đến có sự thay đổi về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và phạm vi hoạt động; đặc biệt là sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập mầm non và phổ thông công lập (theo đó sắp xếp giảm từ 639 trường còn 230 trường). Cần thiết rà soát, điều chỉnh, giao lại biên chế đối với các cơ quan, đơn vị có thay đổi sau sắp xếp, bảo đảm số biên chế được giao phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ, tạo điều kiện để các cơ quan, đơn vị hoạt động ổn định, liên tục sau sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy.

Vì vậy, việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết giao biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính; tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập và số lượng người làm việc trong các tổ chức hội năm 2026 (thay thế Nghị quyết số 302/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh và Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 30/3/2026 của HĐND tỉnh) là cần thiết,

làm cơ sở để phân bổ, giao và tổ chức quản lý, sử dụng biên chế thống nhất trong phạm vi số biên chế được cấp có thẩm quyền giao, phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy.

II. Nguyên tắc và một số nội dung tổng quan về điều chỉnh biên chế

1. Đảm bảo thống nhất về nguyên tắc và nội dung điều chỉnh biên chế giữa khối Đảng, đoàn thể và khối chính quyền.

2. Giao biên chế của khối chính quyền đảm bảo không vượt quá số giao của cấp có thẩm quyền.

3. Đảm bảo không giao thấp hơn số hiện có của các đơn vị để đảm bảo quy định về giao, quản lý, sử dụng biên chế; tránh vướng mắc trong thực hiện chế độ, chính sách cho công chức, viên chức.

4. Đối với biên chế công chức:

- Về biên chế công chức sở, ban, ngành cấp tỉnh:

+ Cắt giảm biên chế tương ứng với số lượng công chức đã nghỉ hưởng chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP chịu tác động trực tiếp khi sắp xếp tổ chức bộ máy tại các cơ quan, đơn vị (đối với số cán bộ, công chức nghỉ do cơ cấu lại đội ngũ CBCCC, sau khi nghỉ vẫn phải bố trí biên chế, nhân sự thay thế thì không cắt giảm biên chế tương ứng).

+ Xây dựng phương án bổ sung số lượng biên chế phù hợp đối với các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ và khối lượng công việc tăng cao khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; đảm bảo nguồn lực, tăng cường hoạt động, đáp ứng khối lượng công việc cần xử lý lớn khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, tránh ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ, chất lượng giải quyết công việc.

+ Điều chỉnh số lượng biên chế phù hợp tại các đơn vị có số biên chế được giao nhưng chưa sử dụng.

- Về biên chế công chức cấp xã:

+ Soát xét, tiếp tục giao dôi dư biên chế công chức ở cấp xã để thuận lợi trong quản lý, sử dụng công chức, tiến tới xử lý số dôi dư, hướng đến công bằng và tránh chênh lệch nền biên chế quá cao giữa các đơn vị, địa phương.

+ Giao biên chế cán bộ, công chức cấp xã theo hướng vận dụng linh hoạt như sau:

(1) Đối với các địa phương không thực hiện sắp xếp có quy mô dân số ít, giao tối đa 26 biên chế (đảm bảo mỗi phòng chuyên môn có bình quân đủ 5 biên chế);

(2) Đối với các địa phương thực hiện sắp xếp, giao tối thiểu 32 biên chế để đáp ứng yêu cầu, khối lượng công việc¹; (i) Căn cứ phân loại đơn vị hành chính cấp xã để xác định biên chế tương ứng với phân loại từng đơn vị (xã, phường loại

¹ Trong đó, phòng Kinh tế có 11 vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ, theo đánh giá thực tế cần ít nhất 09 biên chế, trong đó có 07 biên chế công chức chuyên môn để thực hiện đầy đủ hết VTVL và chức năng, nhiệm vụ; phòng Văn hóa - Xã hội có 08 vị trí việc làm, cần ít nhất 08 biên chế, trong đó có 06 biên chế công chức chuyên môn để thực hiện đầy đủ hết VTVL và chức năng, nhiệm vụ; Văn phòng HĐND và UBND xã có 13 vị trí việc làm, cần ít nhất 08 biên chế, trong đó có 06 biên chế công chức chuyên môn để thực hiện đầy đủ hết VTVL và chức năng, nhiệm vụ; ngoài ra, còn bố trí 06 biên chế cán bộ cấp xã và biên chế cần thiết tại Trung tâm phục vụ hành chính công. Như vậy, việc duy trì tối thiểu 32 biên chế ở các đơn vị này nhằm đảm bảo điều kiện hoạt động cơ bản cho đơn vị.

3 giao 32; xã, phường loại 2 giao 33; xã, phường loại 1 giao 34); (ii) Căn cứ quy mô dân số để tính toán, bổ sung số lượng biên chế phù hợp (dân số càng đông phát sinh thủ tục hành chính, khối lượng công việc liên quan càng lớn, do vậy, cần bố trí số lượng biên chế lớn hơn để xử lý công việc); (iii) Ngoài ra, xem xét thêm các yếu tố khác như định hướng tăng phòng chuyên môn, khối lượng công việc đặc thù phát sinh lớn ở một số địa phương để bổ sung số lượng biên chế phù hợp, đáp ứng yêu cầu và khối lượng công việc thực tế. Đơn vị có hiện có vượt định mức theo nguyên tắc tính nêu trên thì giao bằng hiện có và xác định số lượng dôi dư tương ứng.

5. Đối với biên chế viên chức:

a) Tiếp tục tạo nguồn biên chế viên chức dự phòng nhằm chủ động chuẩn bị điều kiện thực hiện các mục tiêu, yêu cầu tinh giản biên chế theo chủ trương của Trung ương trong giai đoạn tiếp theo.

b) Điều chỉnh biên chế cập nhật theo nội dung điều chỉnh, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của một số đơn vị sự nghiệp công lập để đảm bảo điều kiện hoạt động cho đơn vị.

c) Phân bổ bổ sung biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước cho các Trung tâm dịch vụ tổng hợp cấp xã bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao; trong đó, mỗi đơn vị có tối thiểu 08 biên chế. Cơ cấu biên chế của Trung tâm bảo đảm có Giám đốc, 01 Phó Giám đốc, ít nhất 02 biên chế thực hiện nhiệm vụ văn hóa, thông tin; 03 biên chế thực hiện nhiệm vụ khuyến nông, dịch vụ sự nghiệp trong các lĩnh vực thú y, bảo vệ thực vật, môi trường và các dịch vụ nông nghiệp khác; 01 biên chế thực hiện nhiệm vụ kế toán và các nhiệm vụ chuyên môn dùng chung. Trong đó, báo cáo, cập nhật chủ trương về việc chuyển chức năng, nhiệm vụ sự nghiệp trong lĩnh vực thú y, bảo vệ thực vật để thực hiện chuyển biên chế sự nghiệp gắn với số lượng viên chức hiện có tại các Trạm Bảo vệ thực vật và Thú y khu vực trực thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y về Trung tâm Dịch vụ tổng hợp các xã, phường. Số biên chế còn thiếu để đảm bảo số lượng và cơ cấu tối thiểu nêu trên sẽ phân bổ từ nguồn biên chế dự phòng của tỉnh.

d) Biên chế viên chức giáo dục: cập nhật kết quả sắp xếp các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập để rà soát, tham mưu phương án điều chỉnh, phân bổ biên chế giáo dục phù hợp với tổ chức, quy mô, chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị sau sắp xếp và các quy định hiện hành có liên quan. Trong đó, đề xuất căn cứ số lớp thực tế để xác định định mức giáo viên/lớp tối đa, làm cơ sở để xác định dôi dư số lượng biên chế giáo viên tương ứng tại các đơn vị. Cụ thể:

- Giao biên chế đảm bảo không thấp hơn số hiện có để đảm bảo quy định về giao, sử dụng biên chế, tạo điều kiện thuận lợi trong thực hiện chế độ, chính sách đối với viên chức.

- Bám sát các quy định hiện hành để xác định định mức biên chế theo từng nhóm VTVL, cụ thể:

- + Đối với biên chế quản lý: thực hiện theo Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP ngày 05/8/2026 của Chính phủ và các quy định có liên quan. Đối với các đơn vị thực hiện sắp xếp, điều chỉnh biên chế quản lý theo định mức quy định; đối với

các đơn vị không thực hiện sắp xếp, trước mắt giao theo số hiện có theo quy định tại Văn bản số 5243/BGDDT-NGCBQLGD ngày 10/8/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Về biên chế Đội: Thực hiện theo định mức tại Thông tư số 20/2023/TT-BGDDT và Văn bản số 5555/BGDDT-GDPT ngày 18/8/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, theo đó bố trí 01 biên chế Đội/01 trường; số biên chế và viên chức làm công tác Đội còn lại được tính cộng vào biên chế giáo viên.

+ Đối với biên chế tại VTVL hỗ trợ (gồm kế toán, văn thư, thủ quỹ, thư viện, y tế học đường...): căn cứ Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP và linh hoạt, cân đối, xem xét với tình hình thực tế của các đơn vị và thực trạng biên chế của tỉnh, trước mắt giao bằng số hiện có để ổn định tình hình, thời gian tới cập nhật các chủ trương và tình hình thực tiễn để tiếp tục tham mưu điều chỉnh đảm bảo phù hợp (nhất là việc bố trí nhân viên y tế trường học).

+ Đối với biên chế giáo viên:

* Căn cứ số lớp thực tế của các đơn vị báo cáo để xác định định mức biên chế giáo viên tối đa: cụ thể bậc học tiểu học (số lớp thực tế x định mức 1,5), THCS (số lớp thực tế x định mức 1,9); riêng mầm non (số lớp thực tế trên 3 tuổi x định mức 2,2), không tính số lớp thực tế dưới 3 tuổi của các đơn vị.

* Phương án thẩm định biên chế giáo viên: (1) Đối với đơn vị có số giao hiện nay cao hơn số hiện có nhưng thấp hơn định mức theo cách tính số lớp thực tế thì giao bằng số giao hiện nay; (2) Giao bằng hiện có đối với các đơn vị vượt định mức theo cách tính số lớp thực tế và xác định số lượng dôi dư tương ứng; (3) Bổ sung biên chế giáo viên đối với một số đơn vị có định mức học sinh/lớp cao nhưng định mức giáo viên/lớp thấp để đáp ứng yêu cầu dạy học.

- Tập trung giảm biên chế hành chính, quản lý đảm bảo theo định mức, quy định và phù hợp với thực tiễn cụ thể. Đối với biên chế giáo viên, chỉ thực hiện giảm tại các đơn vị có số giáo viên vượt định mức (trong đó tập trung nhiều tại bậc học mầm non); đối với các đơn vị thiếu giáo viên, thực hiện bổ sung biên chế để bảo đảm yêu cầu dạy học. Sau điều chỉnh, đảm bảo bậc học mầm non không có đơn vị có định mức giáo viên/lớp dưới 2,0 (tối đa 2,2 giáo viên/lớp) tiểu học không có đơn vị có định mức giáo viên/lớp thấp hơn 1,4 (tối đa 1,5 giáo viên/lớp); THCS không có đơn vị có định mức giáo viên/lớp thấp hơn 1,72 (tối đa 1,9 giáo viên/lớp), THPT bình quân toàn bậc học đạt tỷ lệ trên 2,25 giáo viên/lớp.

- Tiếp tục xác định dôi dư đối với các đơn vị có số viên chức hiện có so với định mức theo phương án. Thời gian tới tiếp tục tham mưu giải pháp rà soát, bố trí, điều chuyển, sử dụng số giáo viên hiện có phù hợp với nhu cầu thực tế. Trên cơ sở biến động về số học sinh, số lớp và nhu cầu giáo viên hằng năm, từng bước xử lý số biên chế dôi dư theo lộ trình, bảo đảm phù hợp với định mức và quy định hiện hành.

đ) Bổ sung biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại một số đơn vị chưa đảm bảo định mức số lượng người làm việc tối thiểu hoặc bổ sung chức năng, nhiệm vụ không phát sinh nguồn thu.

e) Bổ sung số lượng biên chế viên chức hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp tại các Trung tâm Dịch vụ tổng hợp đã có Quyết định tự chủ tài chính theo nhu cầu thực tế của đơn vị.

g) Các đơn vị khác tạm giao ổn định biên chế và tiếp tục rà soát, sắp xếp biên chế khi có chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền.

III. Nội dung Nghị quyết

1. Biên chế công chức: giao 3.842 biên chế; trong đó giao các cơ quan, đơn vị: **3.806 biên chế** (1.227 biên chế công chức sở, ban ngành cấp tỉnh và 2.579 biên chế cán bộ, công chức cấp xã); giao dự phòng 36 biên chế. Chi tiết như sau:

a) *Biên chế công chức sở, ban ngành cấp tỉnh: **giao 1.227 (tổng giảm 54 biên chế so với số giao hiện nay).***

Thực hiện chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, thời gian qua, các sở, ban, ngành cấp tỉnh đã giải quyết chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ đối với 100 cán bộ, công chức, trong đó có 88 trường hợp chịu tác động trực tiếp do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy. Việc giảm số biên chế tương ứng với các trường hợp đã nghỉ việc do tác động trực tiếp của sắp xếp tổ chức bộ máy là cần thiết, đảm bảo tinh giản biên chế và quản lý biên chế chặt chẽ.

Tuy nhiên, trong giai đoạn 2022-2026, các sở, ban, ngành cấp tỉnh đã thực hiện cắt giảm số lượng lớn biên chế theo yêu cầu tinh giản của Trung ương. Tại thời điểm sắp xếp, hợp nhất các sở, ban, ngành vào tháng 3/2025, biên chế của các cơ quan thực hiện sắp xếp cơ bản được giao bằng hiện có. Đến nay, cơ bản vẫn giữ nguyên theo số biên chế được giao tại thời điểm đó. Trong khi đó, hiện nay thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý của các sở, ban, ngành cấp tỉnh có sự thay đổi; nhiều nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền, đồng thời các sở, ban ngành tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, theo dõi và hỗ trợ chính quyền cấp xã trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ, làm tăng khối lượng công việc đáng kể trong giai đoạn hiện nay.

Tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ quy định “1. Việc điều chỉnh biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức được xem xét trong các trường hợp sau: a) Cơ quan, tổ chức có thay đổi một trong các căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này; b) Thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan, tổ chức theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp huyện”. Tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP quy định “2. Căn cứ xác định biên chế công chức: a) Vị trí việc làm và khối lượng công việc của từng vị trí việc làm; b) Mức độ hiện đại hóa về trang thiết bị, phương tiện làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin; c) Thực tế việc sử dụng biên chế công chức được giao; d) Đối với cơ quan, tổ chức ở địa phương, ngoài các căn cứ quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều này còn phải căn cứ vào quy mô dân số, diện tích tự nhiên, số lượng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và đặc điểm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội”. Như vậy, việc xem xét điều chỉnh biên chế công chức không chỉ căn cứ vào sự thay đổi về tổ chức, mà còn phải căn cứ vào các yếu tố

thực tế theo quy định, trong đó có vị trí việc làm, khối lượng công việc và thực tế sử dụng biên chế công chức được giao. Do đó, khi xem xét phương án điều chỉnh, bổ sung biên chế cần đánh giá đồng thời khối lượng, yêu cầu nhiệm vụ thực tế và khả năng sử dụng biên chế hiện có của từng cơ quan, đơn vị, bảo đảm việc phân bổ biên chế phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và sử dụng hiệu quả số biên chế được giao.

Như vậy, việc xem xét điều chỉnh, bổ sung biên chế đối với các cơ quan, đơn vị có khối lượng công việc tăng và thực tế sử dụng biên chế cao là có cơ sở, phù hợp với thực tiễn và đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 13 và khoản 2 Điều 4 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP. Cụ thể như sau:

- **Giảm 88 biên chế** tương ứng với số công chức đã nghỉ hưởng chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP chịu tác động trực tiếp khi sắp xếp tổ chức bộ máy, cụ thể: Sở Tài chính giảm 09 ; Sở Nông nghiệp và Môi trường giảm 30 ; Sở Y tế giảm 02 ; Sở Xây dựng giảm 12 ; Sở Nội vụ giảm 03 ; Sở Công Thương giảm 16 ; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch giảm 02 ; Sở Khoa học và Công nghệ giảm 08; Sở Tư pháp giảm 01; Sở Giáo dục và Đào tạo giảm 01; Thanh tra tỉnh giảm 03; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh giảm 01.

- **Tăng (bổ sung) 26 biên chế** cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh có khối lượng công việc tăng khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp (phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 13 và khoản 2 Điều 4 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP), cụ thể như sau:

+ Sở Tài chính **tăng 07 biên chế** để bổ sung, tăng cường nhân lực nhằm đáp ứng khối lượng công việc tăng cao khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, nhất là các nhiệm vụ về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; quản lý ngân sách, tài sản công; thẩm định nguồn vốn và xử lý các vướng mắc phát sinh từ cơ sở.

Như vậy, sau khi cân đối theo tổng tăng/giảm như trên (giảm 09, tăng 07) thì biên chế Sở Tài chính **giảm 02** so với số đang giao hiện nay.

+ Sở Xây dựng **tăng 04 biên chế** để bổ sung, tăng cường nhân lực đáp ứng khối lượng công việc tăng cao khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, nhất là các nhiệm vụ về hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực xây dựng; quản lý quy hoạch, kiến trúc, hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển đô thị, nhà ở, hạ tầng kỹ thuật và vật liệu xây dựng.

Như vậy, sau khi cân đối theo tổng tăng/giảm như trên (giảm 12, tăng 04) thì biên chế Sở Xây dựng **giảm 08** so với số đang giao hiện nay.

+ Sở Y tế **tăng 01 biên chế** để bổ sung, tăng cường nhân lực nhằm đáp ứng khối lượng công việc tăng cao khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, nhất là các nhiệm vụ về hướng dẫn, kiểm tra, chỉ đạo chuyên môn đối với hệ thống y tế cơ sở; quản lý khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng, dược, an toàn thực phẩm, bảo hiểm y tế và xử lý các vấn đề phát sinh trong công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Như vậy, sau khi cân đối theo tổng tăng/giảm như trên (giảm 02, tăng 01) thì biên chế Sở Y tế **giảm 01** so với số đang giao hiện nay.

+ Sở Nội vụ **tăng 03 biên chế**, để bổ sung, tăng cường nhân lực nhằm đáp ứng khối lượng công việc tăng cao khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, nhất là các nhiệm vụ về tổ chức bộ máy, quản lý biên chế, vị trí việc làm, quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, lao động việc làm, chính sách người có công, chính quyền địa phương và xử lý các vướng mắc phát sinh từ cơ sở.

Như vậy, sau khi cân đối theo tổng tăng/giảm như trên (giảm 03, tăng 03) thì biên chế Sở Nội vụ bằng so với số đang giao hiện nay.

+ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch **tăng 01 biên chế** để bổ sung, tăng cường nhân lực nhằm đáp ứng khối lượng công việc tăng cao khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, nhất là các nhiệm vụ về công tác hướng dẫn, kiểm tra, quản lý các lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và di sản văn hóa trên địa bàn và xử lý các vướng mắc phát sinh từ cơ sở.

Như vậy, sau khi cân đối theo tổng tăng/giảm như trên (giảm 02, tăng 01) thì biên chế Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch **giảm 01** so với số đang giao hiện nay.

+ Sở Khoa học và Công nghệ **tăng 02 biên chế** để bổ sung, tăng cường nhân lực nhằm đáp ứng khối lượng công việc tăng cao khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, nhất là các nhiệm vụ trọng tâm về chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và hạ tầng dữ liệu, trong bối cảnh yêu cầu đẩy nhanh phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo các chủ trương mới của Trung ương.

Như vậy, sau khi cân đối theo tổng tăng/giảm như trên (giảm 08, tăng 02) thì biên chế Sở Khoa học và Công nghệ **giảm 06** so với số đang giao hiện nay.

+ Sở Tư pháp **tăng 03 biên chế** để bổ sung, tăng cường nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ ngày càng tăng trong quá trình vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, khi nhiều nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền, đòi hỏi Sở Tư pháp tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, rà soát việc thực hiện pháp luật tại cơ sở; đồng thời tham mưu xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn, bảo đảm hoạt động quản lý nhà nước về tư pháp được thực hiện thống nhất, thông suốt, đúng quy định.

Như vậy, sau khi cân đối theo tổng tăng/giảm như trên (giảm 01, tăng 03) thì biên chế Sở Tư pháp **tăng 02** so với số đang giao hiện nay.

+ Sở Giáo dục và Đào tạo **tăng 01 biên chế** để bổ sung, tăng cường nhân lực nhằm đáp ứng khối lượng công việc tăng cao khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, nhất là các nhiệm vụ về quản lý chất lượng giáo dục, quản lý đội ngũ nhà giáo, chương trình giáo dục và hướng dẫn chuyên môn cho các cơ sở giáo dục trong bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và xử lý các vướng mắc phát sinh từ cơ sở.

Như vậy, sau khi cân đối theo tổng tăng/giảm như trên (giảm 01, tăng 01) thì biên chế Sở Giáo dục và Đào tạo giữ nguyên so với số đang giao hiện nay.

+ Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh **tăng 01 biên chế** để bổ sung, tăng cường nhân lực nhằm đáp ứng khối lượng công việc tăng cao gắn với yêu cầu thu hút, triển khai và quản lý các dự án đầu tư, số lượng doanh nghiệp, nhà đầu tư ngày càng tăng; đồng thời tăng cường công tác theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn, tháo gỡ

khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp và nhà đầu tư trong quá trình thực hiện dự án, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và thúc đẩy phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp trên địa bàn.

Như vậy, sau khi cân đối theo tổng tăng/giảm như trên (giảm 01, tăng 01) thì biên chế Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh giữ nguyên so với số đang giao hiện nay.

+ **Tăng 03 biên chế** tại Văn phòng UBND tỉnh, trong đó tăng 01 biên chế để cập nhật nội dung bổ sung 01 Phó Chủ tịch UBND tỉnh; tăng 02 biên chế tại Ban Tiếp công dân tỉnh để tăng cường thực hiện nhiệm vụ trong tình hình mới.

+ Riêng đối với: Sở Nông nghiệp và Môi trường (đã trừ 30 biên chế nghỉ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP), Thanh tra tỉnh (đã trừ 03 biên chế nghỉ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP) và Sở Công Thương (đã trừ 16 biên chế nghỉ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP), đề nghị không thực hiện điều chỉnh biên chế theo bổ sung biên chế, lý do:

* Đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chi cục Kiểm lâm trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường hiện có 86/211 biên chế chưa sử dụng, chiếm khoảng 40,8% tổng số biên chế được giao, Chi cục Thủy lợi hiện có 08/32 biên chế chưa sử dụng, chiếm khoảng 25% tổng số biên chế được giao. Mặc dù lĩnh vực kiểm lâm, thủy lợi có tính chất đặc thù, phạm vi quản lý rộng, yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ riêng và cần bảo đảm nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu trong từng giai đoạn, tuy nhiên hiện nay chưa có quy định về định mức biên chế công chức đối với lực lượng kiểm lâm và thủy lợi làm cơ sở xác định nhu cầu biên chế phù hợp. Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ quy định các căn cứ xác định biên chế công chức, gồm: vị trí việc làm và khối lượng công việc của từng vị trí; mức độ hiện đại hóa trang thiết bị, phương tiện làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin; thực tế sử dụng biên chế công chức được giao. Đối chiếu các căn cứ này, việc đề xuất điều chỉnh giảm 30 biên chế của Chi cục Kiểm lâm và 02 biên chế tại Chi cục Thủy lợi được xem xét như sau: (1) Về mức độ hiện đại hóa trang thiết bị, phương tiện làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin: Phương thức thực hiện nhiệm vụ của đơn vị từng bước thay đổi theo hướng phân định rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan; giảm khâu trung gian và tăng cường xử lý công việc trên môi trường điện tử. Đối với Chi cục Kiểm lâm, việc ứng dụng phần mềm chuyên ngành, cơ sở dữ liệu rừng, bản đồ số, ảnh viễn thám và camera giám sát hỗ trợ mở rộng phạm vi theo dõi, phát hiện sớm biến động rừng, nguy cơ cháy rừng và bố trí kiểm tra có trọng tâm; đồng thời giảm thời gian thống kê, đối chiếu, tổng hợp báo cáo thủ công. Đối với những công việc có thể xử lý hiệu quả hơn nhờ công nghệ và cải tiến quy trình, thì có thể cơ cấu, cân đối trong đội ngũ hiện có, ưu tiên nhân lực cho nhiệm vụ trực tiếp quản lý địa bàn, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng. Đây là một trong những yếu tố tác động đến xác định nhu cầu sử dụng biên chế thực tế và điều chỉnh giảm số biên chế chưa sử dụng. (2) Về vị trí việc làm, khối lượng công việc và thực tế sử dụng biên chế được giao: Việc còn thiếu số lượng lớn biên chế xuất phát từ khó khăn trong tuyển dụng đối với lĩnh vực đặc thù, không phải do đơn vị không có nhu cầu tuyển dụng. Vì vậy, không thể chỉ căn cứ vào số biên chế chưa tuyển dụng để xác định toàn bộ số này không còn nhu cầu sử dụng. Tuy

nhiên, trong thời gian qua, chức năng, nhiệm vụ và khối lượng công việc của đơn vị cơ bản ổn định; đơn vị thực tế chỉ sử dụng 59,2% số biên chế được giao nhưng vẫn duy trì hoạt động, không phát sinh tình trạng ách tắc công việc trên diện rộng. Như vậy, thực tế đó cho thấy số biên chế còn thiếu so với chỉ tiêu được giao chưa đồng nghĩa hoàn toàn với số nhân lực đơn vị thực sự cần bổ sung. Kết quả này là cơ sở thực tiễn để đánh giá khả năng đáp ứng công việc của đội ngũ hiện có, rà soát nhu cầu theo từng vị trí và xác định thứ tự ưu tiên tuyển dụng. Theo phương án giảm 30 biên chế, Chi cục Kiểm lâm còn được giao 181 biên chế, giữ nguyên 125 biên chế đang sử dụng và còn 56 chỉ tiêu chưa sử dụng, chiếm 30,9% số được giao sau điều chỉnh; Chi cục Thủy lợi còn được giao 30 biên chế và còn 06 chỉ tiêu chưa sử dụng. Phương án không làm giảm lực lượng hiện đang công tác, đồng thời vẫn dành khả năng tuyển dụng bổ sung cho các vị trí thiết yếu và địa bàn trọng điểm theo quy định.

Bên cạnh đó, việc duy trì số lượng lớn biên chế chưa sử dụng trong thời gian dài dẫn đến nguồn lực biên chế chưa được phát huy đầy đủ, trong khi một số cơ quan, đơn vị thuộc Sở đang thiếu nhân lực để thực hiện nhiệm vụ được giao. Tình trạng này cũng gây khó khăn cho việc quản lý, phân bổ và sử dụng biên chế chung của Sở và của tỉnh theo hướng tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu tinh giản biên chế.

Từ những căn cứ nêu trên, trước mắt cần tiếp tục rà soát nhu cầu nhân lực thực tế, khả năng tuyển dụng và phương án sử dụng số biên chế còn trống tại Chi cục Kiểm lâm và Chi cục Thủy lợi; đồng thời cân đối, bố trí biên chế trong phạm vi tổng biên chế được giao cho Sở Nông nghiệp và Môi trường, ưu tiên các cơ quan, đơn vị và vị trí đang thực sự thiếu nhân lực. Việc điều chỉnh này góp phần bù đắp một phần số biên chế giảm do công chức nghỉ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, nhưng không làm tăng tổng biên chế của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Theo đó, điều chỉnh giảm 30 biên chế tại Chi cục Kiểm lâm, tương ứng với số biên chế giảm do nghỉ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Sở Nông nghiệp và Môi trường; đồng thời điều chỉnh giảm 02 biên chế tại Chi cục Thủy lợi trên cơ sở rà soát số biên chế chưa sử dụng. Sau điều chỉnh, Chi cục Kiểm lâm còn được giao 181 biên chế, trong đó còn 56 biên chế chưa sử dụng; Chi cục Thủy lợi còn được giao 30 biên chế, trong đó còn 06 biên chế chưa sử dụng.

* Đối với Sở Công Thương: Chi cục Quản lý thị trường trực thuộc Sở Công Thương có 16 công chức nghỉ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP (đã tham mưu cắt giảm biên chế). Đây là đơn vị nằm trong diện dự kiến định hướng sắp xếp theo chủ trương của Trung ương. Để đảm bảo ổn định tình hình, đề nghị chưa thực hiện bổ sung biên chế đối với các cơ quan, đơn vị đang thực hiện định hướng sắp xếp tổ chức bộ máy nhằm đảm bảo phù hợp.

* Đối với Thanh tra tỉnh: có 03 công chức nghỉ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP (đã tham mưu cắt giảm biên chế). Đây là đơn vị nằm trong diện dự kiến định hướng sắp xếp theo chủ trương của Trung ương. Để đảm bảo ổn định tình hình, đề nghị chưa thực hiện bổ sung biên chế đối với các cơ quan, đơn vị đang thực hiện định hướng sắp xếp tổ chức bộ máy nhằm đảm bảo phù hợp.

- **Giảm 07 biên chế** tại Sở Nông nghiệp và Môi trường để **chuyển về (tăng) 07 biên chế** tại Sở Công Thương gắn với chuyển giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về địa chất và khoáng sản từ Sở Nông nghiệp và Môi trường sang Sở Công Thương theo Quyết định số 2260/QĐ-UBND ngày 14/9/2026 của UBND tỉnh.

- **Tăng 10 biên chế** tại Trạm Bảo vệ động, thực vật trực thuộc Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi, Sở Nông nghiệp và Môi trường (đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước) để tham mưu việc tiếp nhận vào làm công chức đối với 10 viên chức hiện có, đảm bảo việc bố trí công chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo quy định, đảm bảo quy định về giao, quản lý và sử dụng biên chế công chức và phù hợp với chủ trương tại Kết luận số 40-KL/TW ngày 02/6/2026 của Bộ Chính trị (theo đó giao Ban Thường vụ Tỉnh ủy: “*có kế hoạch bố trí, sắp xếp chuyển ngạch để bảo đảm đủ số lượng công chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị, không để tình trạng viên chức thực hiện vị trí việc làm của công chức, chủ động rà soát, điều chỉnh cơ cấu, số lượng phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, nhất là các cơ quan, đơn vị, địa phương thiếu vị trí chuyên môn cần phải bổ sung kịp thời*”)².

(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo).

b) Biên chế cán bộ, công chức cấp xã: giao 2.579 biên chế, bằng so với số giao tại HĐND-UBND cấp xã hiện nay (theo định mức tại Công văn số 09/CV-BCĐ); trong đó giao chính thức: 2.459; giao dôi dư: 120. Cụ thể như sau:

- Đối với các xã không thực hiện sắp xếp có quy mô dân số nhỏ (Sơn Kim 1, Sơn Kim 2), **giao 26 biên chế** công chức, bảo đảm mỗi phòng chuyên môn được bố trí bình quân khoảng 05 biên chế để thực hiện nhiệm vụ; theo đó giao **tổng 52 biên chế** tại xã Sơn Kim 1 và Sơn Kim 2.

² - Theo quy định tại Luật Thú y (sửa đổi bổ sung tại khoản 1 Điều 12 Luật số 146/2025/QH15); theo đó, hệ thống cơ quan quản lý chuyên ngành quản lý thú y được tổ chức từ trung ương đến cấp tỉnh. Đối với cấp xã: việc bố trí Thú y cấp xã đã được quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật số 146/2025/QH15: “Tại cấp xã được bố trí thú y xã để thực hiện quản lý hoạt động chăn nuôi và thú y trên địa bàn”. Khoản 2 Điều 4, khoản 1 Điều 5 Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ thì hệ thống cơ quan quản lý chuyên ngành thú y tại địa phương được quy định tại cấp tỉnh: Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành thú y trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giúp Giám đốc Sở tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật trong lĩnh vực phòng bệnh, chữa bệnh, chống dịch bệnh động vật; kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm soát giết mổ động vật, sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y; quản lý thuốc thú y; hành nghề thú y trên địa bàn tỉnh và chịu sự chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ của Cục Thú y.

- Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 121/2026/NĐ-CP ngày 03/4/2026 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính thì Chi cục là tổ chức hành chính thuộc Sở; và theo khoản 1 Điều 3 Nghị định số 121/2026/NĐ-CP ngày 03/4/2026 của Chính phủ thì Tổ chức hành chính là tổ chức được giao chức năng tham mưu giúp người đứng đầu cơ quan, tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước hoặc tổ chức thực thi nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực hoặc tham mưu về công tác quản trị nội bộ của cơ quan, tổ chức và được thành lập theo quy định của pháp luật.

Như vậy, theo các quy định nêu trên thì hệ thống cơ quan quản lý chuyên ngành thú y tại địa phương là tổ chức hành chính, thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước hoặc tổ chức thực thi nhiệm vụ quản lý nhà nước về thú y.

- Khoản 1 Điều 2 Luật số 146/2025/QH15 ngày 01/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường “(1) Hệ thống cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật được tổ chức ở trung ương đến cấp tỉnh; (2) Tại cấp xã được bố trí nhân lực thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và kiểm dịch thực vật trên địa bàn”. Điều 3 Nghị định 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ “Cơ quan chuyên ngành Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường)”.

- Tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 35/2015/TT-BNNPTNT ngày 14/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch thực vật nội địa quy định trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: “Đề xuất với UBND tỉnh, thành phố thành lập Trạm Kiểm dịch thực vật nội địa thuộc Cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật cấp tỉnh theo quy định (tiêu chuẩn theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này), bố trí nhân lực và đầu tư trang thiết bị; cấp kinh phí hàng năm để thực hiện công tác kiểm dịch thực vật nội địa.”

- Điều 40 Luật Thú y quy định về Trạm kiểm dịch động vật tại đầu mối địa phương: “Việc kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật khi vận chuyển qua các đầu mối giao thông do trạm kiểm dịch động vật thực hiện. Trạm kiểm dịch động vật tại đầu mối giao thông phải có đại diện các ngành công an, quản lý thị trường, thú y. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập và phê duyệt quy hoạch trạm kiểm dịch động vật tại đầu mối giao thông trên phạm vi cả nước. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy hoạch quy định tại khoản 3 Điều này quyết định thành lập và tổ chức thực hiện việc kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật của các trạm kiểm dịch động vật tại đầu mối giao thông trên địa bàn.”

- Trạm Kiểm dịch động, thực vật có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về chuyên môn, kỹ thuật về kiểm dịch động vật, kiểm dịch thực vật, xét nghiệm, chẩn đoán, giám sát sâu bệnh, dịch bệnh và dịch vụ kỹ thuật lĩnh vực trồng trọt chăn nuôi theo quy định của pháp luật và phân công của Chi cục (chi tiết tại Quyết định số 44/QĐ-TTCN kèm theo)

- Trạm Bảo vệ thực vật và Thú y khu vực có chức năng tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ chuyên môn quản lý nhà nước về công tác bảo vệ thực vật và thú y; đồng thời, phối hợp các phòng chuyên môn trong công tác tổ chức triển khai và theo dõi, báo cáo, đề xuất nhiệm vụ lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi trên địa bàn (chi tiết tại Quyết định số 44/QĐ-TTCN).

- Đối với các xã, phường thực hiện sắp xếp (67 xã, phường còn lại): giao tối thiểu 32 biên chế để đáp ứng điều kiện hoạt động cơ bản của đơn vị, trong đó:

+ Điều chỉnh biên chế theo phân loại đơn vị hành chính cấp xã: xã loại 3 giao 32, xã loại 2 giao 33, xã loại 1 giao 34; theo đó **giao 2.210 biên chế** tại 67 xã, phường.

+ Điều chỉnh theo quy mô dân số của từng đơn vị, theo đó xã/phường có dân số trên 20.000 thì cứ tăng 2.000 dân thì bổ sung thêm 01 biên chế; theo đó bổ sung **183 biên chế** tại các xã, phường.

+ Ưu tiên bổ sung thêm biên chế theo yêu tố đặc thù:

* Tăng 04 biên chế đối với đơn vị được tăng phòng mà số biên chế hiện có dưới 50 công chức (theo đó, trên địa bàn có 04 phường được tăng thêm phòng: Hoàn Sơn, Vũng Áng, Thành Sen, Sông Trí; tuy nhiên, chỉ tham mưu **tăng tổng 08 biên chế** tại Hoàn Sơn, Vũng Áng; riêng đối với Thành Sen, Sông Trí hiện có trên 50 biên chế nên không điều chỉnh bổ sung thêm).

* Tăng 03 biên chế đối với đơn vị hành chính loại 1 có đặc thù, phát sinh khối lượng công việc lớn mà có biên chế hiện có dưới 50 công chức (theo đó trên địa bàn có 04 phường có đặc thù phát sinh khối lượng công việc đặc thù hoặc GPMB lớn: Hoàn Sơn, Vũng Áng, Thành Sen, Sông Trí; tuy nhiên, chỉ tham mưu **tăng tổng 06 biên chế** tại Hoàn Sơn, Vũng Áng; còn Thành Sen, Sông Trí hiện có trên 50 biên chế nên không điều chỉnh bổ sung).

+ Đơn vị có số hiện có vượt định mức theo cách xác định theo nguyên tắc trên thì giao bằng hiện có và xác định dôi dư biên chế tương ứng (cụ thể giao dôi dư 120 biên chế đối với các đơn vị có hiện có vượt định mức theo nguyên tắc tính nêu trên).

- **Giao dôi dư 120 biên chế** đối với các đơn vị có hiện có vượt định mức theo phương án giao, gồm các đơn vị: Phường Thành Sen 04, phường Hà Huy Tập 08, phường Trần Phú 08, xã Đồng Tiến 05, xã Thạch Lạc 03, xã Cẩm Bình 04, xã Nghi Xuân 05, xã Tiên Điền 07, xã Đan Hải 03, phường Bắc Hồng Lĩnh 09, phường Nam Hồng Lĩnh 09, phường Sông Trí 12, phường Hải Ninh 05, xã Kỳ Khang 03, xã Đông Kinh 01, xã Mai Phụ 01, xã Thạch Hà 01, xã Trường Lưu 02, xã Đức Quang 03, xã Đức Đồng 01, xã Đức Minh 02, xã Tứ Mỹ 07, xã Sơn Giang 01, xã Sơn Tiến 03, xã Kim Hoa 01, Thượng Đức 02, Mai Hoa 03, Vũ Quang 07.

2. Phương án phân bổ biên chế viên chức

a) **Biên chế viên chức hưởng lương ngân sách nhà nước: giao 25.526 biên chế** (tăng 275 so với số giao hiện nay do được Trung ương bổ sung); trong đó giao các cơ quan, đơn vị: 24.961 biên chế (tăng 02 so với số giao hiện nay); dự phòng: 565 biên chế (tăng 273 so với số giao hiện nay). Cụ thể:

- **Trạm Bảo vệ thực vật và Thú y khu vực:** chuyển chức năng, nhiệm vụ, 89 biên chế và 80 viên chức hiện có của các Trạm Bảo vệ thực vật và Thú y khu vực trực thuộc Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi, Sở Nông nghiệp và Môi trường về Trung tâm Dịch vụ tổng hợp cấp xã để thực hiện nhiệm vụ liên quan đến dịch vụ sự nghiệp lĩnh vực bảo vệ thực vật, thú y và dịch vụ nông nghiệp khác. Theo đó, **giảm 89 biên chế** viên chức tại Trạm Bảo vệ thực vật và Thú y khu vực để

chuyên về Trung tâm Dịch vụ tổng hợp cấp xã, trong đó có 80 biên chế gắn với viên chức hiện có và 09 biên chế chưa sử dụng.

- **Trung tâm Dịch vụ tổng hợp cấp xã:** giao 591 biên chế; **tăng 279** biên chế so với số giao hiện nay (Trong đó, có 89 biên chế từ nguồn biên chế viên chức thuộc Trạm Bảo vệ thực vật và Thú y khu vực trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; 190 biên chế bổ sung từ nguồn biên chế viên chức dự phòng của tỉnh); đảm bảo mỗi đơn vị bố trí tối thiểu 08 biên chế, đủ điều kiện cơ bản để hoạt động; đảm bảo cơ cấu biên chế của Trung tâm có Giám đốc, 01 Phó Giám đốc, tối thiểu 02 biên chế thực hiện nhiệm vụ văn hóa, thông tin; tối thiểu 03 biên chế thực hiện nhiệm vụ khuyến nông, dịch vụ sự nghiệp trong các lĩnh vực thú y, bảo vệ thực vật, môi trường và các dịch vụ nông nghiệp khác; tối thiểu 01 biên chế thực hiện nhiệm vụ kế toán và các nhiệm vụ chuyên môn dùng chung. Cụ thể:

+ Bổ sung biên chế thực hiện nhiệm vụ văn hóa, thông tin nhằm bảo đảm mỗi Trung tâm Dịch vụ tổng hợp cấp xã có tối thiểu 02 biên chế phụ trách lĩnh vực này. Đối với các đơn vị đã được bố trí từ 02 biên chế văn hóa, thông tin trở lên thì không xem xét bổ sung. Theo đó, **tăng 01 biên chế** cho Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Kỳ Xuân.

+ Bổ sung biên chế thực hiện nhiệm vụ khuyến nông, thú y, bảo vệ thực vật, môi trường và các dịch vụ nông nghiệp khác nhằm bảo đảm mỗi đơn vị có tối thiểu 03 biên chế thực hiện các nhiệm vụ nêu trên. Đối với các đơn vị đã có từ 03 biên chế trở lên thì không xem xét bổ sung. Theo đó, **tăng 138 biên chế** tại các đơn vị.

+ Bổ sung biên chế thực hiện nhiệm vụ kế toán - hành chính đối với các đơn vị chưa được bố trí kế toán, bảo đảm mỗi Trung tâm có viên chức thực hiện công tác kế toán theo quy định. Theo đó, **tăng 54 biên chế** tại 54 đơn vị.

+ Bổ sung biên chế để xem xét xây dựng phương án bố trí đối với các trường hợp hợp đồng lao động theo Quyết định số 3604/QĐ-UBND. Riêng các trường hợp Hợp đồng theo Quyết định số 3604/QĐ-UBND có trình độ chuyên môn kế toán được bố trí tại đơn vị đã có biên chế kế toán nhưng chưa có viên chức đảm nhận nhiệm vụ kế toán thì sử dụng trực tiếp Hợp đồng theo Quyết định số 3604/QĐ-UBND này để thực hiện nhiệm vụ kế toán, không bổ sung thêm biên chế. Cụ thể, **tăng 12 biên chế** tại các đơn vị.

+ Sau khi cân đối các nguồn bố trí biên chế nêu trên, nếu đơn vị chưa đủ 08 biên chế thì bổ sung số lượng để đảm bảo mỗi đơn vị có 08 biên chế, theo đó **tăng tổng 74 biên chế** tại các đơn vị.

- Biên chế giáo dục (mầm non và phổ thông công lập): giao **21.144** biên chế (trong đó, giao chính thức 20.342 biên chế, giao dôi dư 802 biên chế); **giảm 218 biên chế** so với số giao hiện nay³. Trong đó, biên chế quản lý giao 906 (giảm 659); biên chế giáo viên (gồm cả tổng phụ trách Đội) giao 18.829 (tăng 520); biên chế thuộc nhóm VTVL hỗ trợ giao 1.409 (giảm 79) so với số giao hiện nay. Cụ thể như sau:

+ Mầm non:

³ Biên chế giảm được 218 thì cân đối, tăng 27 biên chế tại các Trung tâm GDNN&GDTX theo quyết định điều động giáo viên bậc THPT về GDNN&GDTX; 191 biên chế còn lại đưa vào biên chế dự phòng chung của tỉnh để điều tiết sử dụng thời gian tới)

(i) Biên chế quản lý: Đối với các đơn vị sắp xếp, tham mưu giao biên chế quản lý thực hiện theo định mức tại Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP ngày 05/8/2026 của Chính phủ (mỗi trường có 01 Hiệu trưởng, có số Phó Hiệu trưởng tương ứng với số lượng trường chính và phân hiệu). Đối với các đơn vị không sắp xếp, tham mưu giao bằng số hiện có, đảm bảo phù hợp với hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Văn bản số 5243/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 10/8/2026, theo đó quy định *“Không áp dụng các quy định về cơ cấu, số lượng, chính sách của hiệu trưởng, giám đốc, phó hiệu trưởng, phó giám đốc, nhân sự hỗ trợ giáo dục tại Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP đối với các cơ sở giáo dục không thực hiện sắp xếp; giữ ổn định đội ngũ hiện có (trừ các trường hợp bắt buộc phải bố trí lại theo quy định của pháp luật) để bảo đảm các điều kiện triển khai nhiệm vụ năm học 2026-2027”*. Theo đó, giao tổng 306 biên chế quản lý.

(ii) Biên chế giáo viên: Giao bằng hiện có tại tất cả đơn vị bậc học mầm non (do số dôi dư giáo viên bậc học mầm non lớn, các đơn vị đang huy động lớn học sinh dưới 3 tuổi); đối với đơn vị có số giáo viên hiện có vượt định mức (theo số lớp thực tế nhân với tỷ lệ 2,2 giáo viên/lớp) thì xác định số dôi dư tương ứng. Theo đó, giao 5.080 biên chế, trong đó xác định 492 biên chế giáo viên mầm non dôi dư.

Lưu ý khi xác định định mức giáo viên mầm non: Hiện nay, đang tham mưu giao biên chế giáo viên đối với học sinh từ 3 tuổi trở lên. Tuy nhiên, do số giáo viên mầm non hiện có dôi dư lớn, các đơn vị đã huy động thêm số lượng trẻ dưới 3 tuổi vào học và sử dụng đội ngũ giáo viên được giao để tuyển sinh, dạy học. Vì vậy, khi tính toán định mức và xác định số biên chế giáo viên dôi dư, tham mưu không tính số trẻ dưới 3 tuổi thực tế huy động, mà chỉ tính trên số trẻ, số lớp từ 3 tuổi trở lên làm căn cứ giao biên chế. Cách tính này nhằm bảo đảm thống nhất với nguyên tắc giao biên chế hiện nay, đồng thời không làm giảm số lượng dôi dư do việc huy động thêm trẻ dưới 3 tuổi.

(iii) Đối với nhóm vị trí việc làm hỗ trợ gồm kế toán, văn thư, thủ quỹ, thư viện, y tế học đường, trước mắt giao bằng số hiện có để bảo đảm ổn định số biên chế đang thực hiện tại các cơ sở giáo dục; phù hợp với tình hình thực tế sau sắp xếp, không làm phát sinh biên chế dôi dư do việc điều chỉnh định mức; tạo điều kiện để các đơn vị tiếp tục bố trí, sử dụng đội ngũ hiện có, nhất là trong thời gian đầu thực hiện sắp xếp. Thời gian tới cập nhật các chủ trương và tình hình thực tiễn để tiếp tục tham mưu điều chỉnh đảm bảo phù hợp. Theo đó giao 252 biên chế nhóm VTVL hỗ trợ.

+ Tiểu học:

(i) Biên chế quản lý: Đối với các đơn vị sắp xếp, tham mưu giao biên chế quản lý theo định mức tại thực hiện theo Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP ngày 05/8/2026 của Chính phủ (mỗi trường có 01 Hiệu trưởng, có số Phó hiệu trưởng tương ứng với số lượng trường chính và phân hiệu). Đối với các đơn vị không sắp xếp, tham mưu giao bằng số hiện có, đảm bảo phù hợp với hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Văn bản số 5243/BGDĐT-NGCBQLGD. Theo đó, giao tổng 287 biên chế quản lý.

(ii) Biên chế giáo viên: (1) Đối với đơn vị có số giao hiện nay cao hơn số hiện có nhưng thấp hơn số giáo viên theo định mức tối đa (bằng số lớp thực tế nhân tỷ lệ 1,5) thì giao bằng số giao hiện nay; (2) Giao bằng hiện có đối với các đơn vị vượt định mức theo cách tính số lớp thực tế nêu trên và xác định số lượng dôi dư tương ứng; (3) Bổ sung biên chế giáo viên đối với một số đơn vị có định mức học sinh/lớp cao nhưng định mức giáo viên/lớp thấp để đáp ứng yêu cầu dạy học (theo đó, bổ sung một số biên chế giáo viên tại: Đồng Tiến 01, Sông Trí 01, Hải Ninh 04, Cẩm Trung 05, Yên Hòa 06). Sau điều chỉnh, đảm bảo bậc tiểu học không có đơn vị có định mức giáo viên/lớp thấp hơn 1,4 (đơn vị có tỷ lệ giáo viên/lớp bậc học tiểu học thấp nhất là Yên Hòa 1.4 giáo viên/lớp). Theo đó, giao tổng 6.057 biên chế giáo viên tiểu học, trong đó xác định dôi dư 103 giáo viên.

(iii) Biên chế Đội: Thực hiện theo định mức tại Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT và Văn bản số 5555/BGDĐT-GDPT ngày 18/8/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, theo đó bố trí 01 biên chế Đội/01 trường; số viên chức làm công tác Đội còn lại được tính vào biên chế giáo viên. Theo đó, giao tổng 56 biên chế Đội.

(iv) Đối với nhóm vị trí việc làm hỗ trợ: trước mắt giao bằng số hiện có để ổn định tình hình, thời gian tới tiếp tục cập nhật các quy định, hướng dẫn và tình hình thực tiễn để rà soát, tham mưu điều chỉnh phù hợp. Theo đó giao 472 biên chế nhóm VTVL hỗ trợ.

+ Trung học cơ sở:

(i) Biên chế quản lý: Đối với các đơn vị sắp xếp, tham mưu giao biên chế quản lý theo định mức tại thực hiện theo Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP ngày 05/8/2026 của Chính phủ (mỗi trường có 01 Hiệu trưởng, có số Phó Hiệu trưởng tương ứng với số lượng trường chính và phân hiệu). Đối với các đơn vị không sắp xếp, tham mưu giao bằng số hiện có, đảm bảo phù hợp với hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Văn bản số 5243/BGDĐT-NGCBQLGD. Theo đó, giao tổng 218 biên chế quản lý.

(ii) Biên chế giáo viên: (1) Đối với đơn vị có số giao hiện nay cao hơn số hiện có nhưng thấp hơn số giáo viên theo định mức tối đa (bằng số lớp thực tế nhân tỷ lệ 1,9) thì giao bằng số giao hiện nay; (2) Giao bằng hiện có đối với các đơn vị vượt định mức theo cách tính số lớp thực tế nêu trên và xác định số lượng dôi dư tương ứng; (3) Bổ sung biên chế giáo viên đối với một số đơn vị có định mức học sinh/lớp cao nhưng định mức giáo viên/lớp thấp để đáp ứng yêu cầu dạy học (theo đó, bổ sung một số biên chế giáo viên tại: Thành Sen 05, Hà Huy Tập 04, Cẩm Bình 04, Đồng Tiến 05, Thạch Khê 02, Sông Trí 14, Vũng Áng 18, Hoàng Sơn 11, Kỳ Văn 06, Kỳ Lạc 04, Kỳ Thượng 06, Sơn Tây 06, Cẩm Lạc 02, Cẩm Trung 03, Yên Hòa 01, Thiên Cầm 06, Hương Khê 03, Mai Phụ 01). Sau điều chỉnh, đảm bảo bậc THCS không có đơn vị có định mức giáo viên/lớp thấp hơn (trong đó ưu tiên tăng cường biên chế giáo viên tại một số đơn vị có tỷ lệ quá thấp, như: phường Sông Trí tỷ lệ giáo viên/lớp tăng từ 1.66 lên 1.87, trong đó sĩ số học sinh/lớp vượt 45 học sinh/lớp; phường Vũng Áng tỷ lệ giáo viên/lớp tăng từ 1.45 lên 1.78; phường Hoàng Sơn tỷ lệ giáo viên/lớp tăng từ 1.47 lên 1.78...). Theo đó, giao tổng 4.907 biên chế giáo viên THCS, trong đó xác định dôi dư 135 giáo viên.

(iii) Biên chế Đội: Thực hiện theo định mức tại Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT và Văn bản số 5555/BGDĐT-GDPT ngày 18/8/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, theo đó bố trí 01 biên chế Đội/01 trường; số viên chức làm công tác Đội còn lại được tính vào biên chế giáo viên. Theo đó, giao tổng 74 biên chế Đội.

(iv) Đối với nhóm vị trí việc làm hỗ trợ: trước mắt giao bằng số hiện có để ổn định tình hình, thời gian tới tiếp tục cập nhật các quy định, hướng dẫn và tình hình thực tiễn để rà soát, tham mưu điều chỉnh phù hợp. Theo đó giao 522 biên chế nhóm VTVL hỗ trợ.

+ Trung học phổ thông: giao 2.913 biên chế, giảm 30 biên chế so với số giao hiện nay. Trong đó: Biên chế quản lý: giao 95 biên chế; biên chế giáo viên: Tham mưu giao 2.655 biên chế, trong đó xác định 72 biên chế dôi dư; biên chế nhóm vị trí việc làm hỗ trợ: giao 163 biên chế.

- Biên chế Trung tâm GDNN&GDTX: điều chỉnh biên chế cập nhật theo các quyết định: thành lập Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Hà Tĩnh trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Thạch Hà (không bao gồm cơ sở Lộc Hà) và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Can Lộc; thành lập Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Hương Sơn trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Đức Thọ và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Hương Sơn; thành lập Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Kỳ Anh trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Cẩm Xuyên và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Kỳ Anh; thành lập Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Nghi Xuân trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Nghi Xuân và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Thạch Hà (cơ sở Lộc Hà) và cập nhật theo các Quyết định điều động 27 giáo viên THPT về các Trung tâm GDNN&GDTX. Theo đó, biên chế Trung tâm GDNN&GDTX giao 209 biên chế (tăng 27 biên chế so với số giao hiện nay).

- Biên chế khác:

+ **Tăng 23** biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại Bảo tàng Hà Tĩnh trên cơ sở tiếp nhận biên chế tại Ban Quản lý di tích Nguyễn Du (13 biên chế), Ban Quản lý di tích Trần Phú (05 biên chế), Ban Quản lý di tích Cố Tổng Bí thư Hà Huy Tập (05 biên chế) khi thực hiện sáp nhập vào Bảo tàng Hà Tĩnh theo Quyết định số 1202/QĐ-UBND ngày 14/5/2026 của UBND tỉnh. **Giảm 23** biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại Ban Quản lý di tích Nguyễn Du, Ban Quản lý di tích Trần Phú, Ban Quản lý di tích Cố Tổng Bí thư Hà Huy Tập tương ứng, cập nhật theo nội dung trên.

+ **Tăng 11** biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại Trung tâm Thông tin và Xúc tiến, hỗ trợ đầu tư tỉnh Hà Tĩnh, trong đó có 09 biên chế tiếp nhận từ Trung tâm Dịch vụ Tài chính công Hà Tĩnh gắn với viên chức hiện có; bổ sung 02 biên chế để tăng cường thực hiện nhiệm vụ, đảm bảo bố trí viên chức phù hợp. **Giảm 09** biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước

tại Trung tâm Dịch vụ Tài chính công Hà Tĩnh tương ứng, cập nhật theo nội dung chuyển viên chức đến Trung tâm Thông tin và Xúc tiến, hỗ trợ đầu tư tỉnh Hà Tĩnh.

+ **Giảm 01** biên chế tại Vườn Quốc gia Vũ Quang, **giảm 02** biên chế tại Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Kẻ Gỗ, **giảm 02** biên chế tại Ban Quản lý rừng phòng hộ Nam Hà Tĩnh để điều chỉnh **tăng 05 biên chế** tại Ban Quản lý các cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão tàu cá để đảm bảo quản lý, vận hành các cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão tàu cá, kiểm soát hoạt động tại 09 điểm lên cá, và thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cục Thủy sản và Kiểm ngư.

+ **Tăng 05 biên chế** tại Trung tâm Điều hành thông minh, Khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo Hà Tĩnh khi kiện toàn, bổ sung thêm chức năng, nhiệm vụ không phát sinh nguồn thu, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tại thời điểm hiện nay. Thời gian tới, tiếp tục cập nhật tình hình hoạt động, khối lượng công việc, nhiệm vụ phát sinh và tỷ lệ tự chủ tài chính cụ thể để tham mưu bổ sung biên chế hưởng lương ngân sách nhà nước phù hợp, đảm bảo quy định.

+ **Tăng 05 biên chế** tại Trung tâm Điều dưỡng người có công và bảo trợ xã hội tỉnh để tiệm cận đảm bảo định mức số lượng người làm việc theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BLĐTBXH ngày 31/8/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (cũ) về hướng dẫn định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội (theo đó, với quy mô của Trung tâm, định mức tối thiểu Thông tư số 09/2024/TT-BLĐTBXH là 80 biên chế, tuy nhiên hiện nay Trung tâm chỉ được giao 31 biên chế hưởng lương ngân sách; đây là lĩnh vực đặc thù, với số lượng biên chế chưa đảm bảo định mức nên hoạt động rất khó khăn).

+ **Tăng 01 biên chế** hưởng lương từ ngân sách nhà nước cho Trường Cao đẳng Nguyễn Du để bổ sung nhân lực giảng dạy bộ môn nghệ thuật, bảo đảm đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao.

+ **Giảm 10 biên chế viên chức** tại các Trạm Bảo vệ động, thực vật, cập nhật theo nội dung tham mưu bổ sung 10 biên chế công chức tại các Trạm để thực hiện việc tiếp nhận 10 viên chức hiện có vào biên chế công chức; theo đó, giảm tương ứng 10 biên chế viên chức, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước.

- Các đơn vị khác tạm giao ổn định biên chế và tiếp tục rà soát, sắp xếp biên chế khi có chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền.

b) Biên chế viên chức hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp tại các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên

Giao 695 biên chế viên chức hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp (**tăng 58 biên chế** so với số giao hiện nay), cụ thể:

- **Giảm 02** biên chế viên chức hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp gắn với viên chức hiện có thực hiện chức năng, nhiệm vụ về xúc tiến đầu tư, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp của Trung tâm Dịch vụ Tài chính công Hà Tĩnh về Trung tâm Thông tin và Xúc tiến, hỗ trợ đầu tư tỉnh Hà Tĩnh.

- **Tăng 40** biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp tại Trung tâm Điều hành thông minh, Khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo Hà Tĩnh do chuyển số giao từ đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên (nhóm 2) sang đơn vị đảm bảo một phần chi thường xuyên (nhóm 3) gắn với việc bổ sung chức năng, nhiệm vụ không phát sinh nguồn thu.

- **Tăng 15** biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp tại Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường Thành Sen, **tăng 05** biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp tại Trung tâm dịch vụ tổng hợp phường Hà Huy Tập cập nhật theo mức độ tự chủ tài chính của đơn vị, đáp ứng nhu cầu bổ sung nhân lực thực hiện nhiệm vụ về xây dựng cơ bản trên địa bàn các phường.

2.3. Đối với biên chế hội: giao 73 biên chế và 58 định suất hỗ trợ ngân sách nhà nước (tăng 01 biên chế so với số giao hiện nay tại Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh để bố trí nhân sự Chủ tịch hội theo quyết định của cấp có thẩm quyền). Thời gian tới, cập nhật chủ trương, quyết định về việc chuyển hội được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh trực thuộc Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh để tham mưu chuyển biên chế đảm bảo quy định.

2.4. Về hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP 30/12/2022 của Chính phủ, Nghị định số 235/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ: Giao chỉ tiêu lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ cho các cơ quan, đơn vị năm 2026: 257 (tăng 01 so với Quyết định số 07/QĐ-UBND tại Chi cục Thủy sản theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 3741/SNNMT-TCCB để tăng cường nhân lực hỗ trợ công tác tuần tra, kiểm soát nghề cá, bảo vệ nguồn lợi thủy sản; thực hiện nhiệm vụ phòng, chống khai thác hải sản bất hợp pháp (IUU)). Các đơn vị khác trước mắt giữ nguyên.

III. Căn cứ các nội dung trên, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định ban hành Nghị quyết giao biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính; tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập và số lượng người làm việc trong các tổ chức hội năm 2026 (thay thế Nghị quyết số 302/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh và Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 30/3/2026 của HĐND tỉnh).

Kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NC₂.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Hiếu